

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 400/2023/HC-PT
Ngày 13 tháng 6 năm 2023
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 59/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2023 “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 297/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hứa Văn S (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 197, đường N, khu vực 6, phường N, thành phố N, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Minh N, (có mặt).

Địa chỉ: Số 535, đường N, Phường 08, Quận 10, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hứa Văn S: Luật sư Lê Văn Đ – Văn phòng Luật sư H và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Số 535, đường N, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng N – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài H – Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: Số 09, đường 3 tháng 2, xã Đ, thành phố N, tỉnh H, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Văn T – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02, đường H, phường 5, thành phố V, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh H là ông Phan Mai Thế Q - Phó chi cục trưởng chi cục quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H, (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 03, đường X, phường 5, thành phố V, tỉnh H.

2. Bà Võ Thị T, có người đại diện theo ủy quyền là bà Hứa Thị Hồng N, sinh năm 1981 (có mặt tại phiên tòa).

3. Chị Hứa Thị Như Y, sinh năm 1979 (có mặt).

4. Anh Hứa Văn D, (vắng mặt).

5. Chị Trần Thị Cẩm T, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 197, đường N, khu vực 6, phường N, thành phố N, tỉnh H.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Hứa Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/6/2022 ông Hứa Văn S trình bày:

Gia đình ông là chủ sở hữu phần đất (và tài sản trên đất) diện tích 12.690,9m² thửa đất số 217 (823) và thửa 216 (806), phần đất tại khu vực VI, phường N, thành phố N, tỉnh H.

Ngày 05/11/2020, Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H ban hành Quyết định số 2339/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ phần đất diện tích 12.690,9m² của hộ ông Hứa Văn S để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H ban hành Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: Khu đô thị mới thị xã N 2 đối với gia đình ông, với tổng số tiền là: 9.226.587.030 đồng (Chín tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi đồng).

Ngày 18/6/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1115/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất với nội dung: “Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Hứa Văn S đang sử dụng thửa đất số 217 (823) và thửa đất số 216 (806) thuộc tờ bản đồ số 41 (12), tại khu vực VI, phường N, thành phố N, tỉnh H do không chấp hành Quyết định số 2339.

Do quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt: Vi phạm quy định khoản 1 Điều 69 luật đất đai, chưa vận động kiểm đếm mà thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, vi phạm khoản 2 Điều 17 luật đất đai 2013 về tư vấn giá đất, vi phạm Điều 4 Nghị định 44/2014/NĐ-CP về phương pháp xác định giá đất, phải áp dụng phương pháp thặng dư. Về áp dụng khung giá đất vi phạm Nghị định 96/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với Quyết định số 1115/QĐ-UBND thì ngày 29/3/2022, Ủy ban nhân dân thành phố N (Ban thực hiện cưỡng chế) tiến hành việc cưỡng chế tài sản của gia đình ông S, nhưng hiện không đúng quy định pháp luật, cụ thể Điều 71 Luật đất đai 2013.

Từ những căn cứ trên yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S;

- Hủy Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc: thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N.

- Hủy một phần Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: Khu đô thị mới thị xã N 2.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H bồi thường Tệt hại do việc ban hành và thực hiện Quyết định số 1115 trái pháp luật gây ra với số

tiền là 50.000.000 đồng. Đồng thời xét lại quá trình thực hiện thu hồi đất do UBND thành phố N có nhiều vi phạm, thực hiện không đúng quy định, bồi thường đất không đủ diện tích, kiểm kê Tều nhiều cây trồng và tài sản, giá bồi thường đất không đúng, không hợp lý và quá thấp so với giá thị trường.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N là ông Diệp Minh Tuấn trình bày:

Dự án Khu đô thị mới thị xã N 2, được UBND tỉnh H cho chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 và Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 V/v điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh H; dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh H chấp thuận theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND về D mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích Quốc gia, công cộng cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) trên địa bàn tỉnh H năm 2019 đúng theo điểm d, khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013 (*Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng*).

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh H ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H; Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh H ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt giá đất cụ thể và hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 445/KH-UBND ngày 11/4/2019 về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2.

- Ngày 11/4/2019, UBND thị xã N ban hành Thông báo thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S tại thửa đất số 70, diện tích thu hồi dự kiến 12.801,6m², loại đất đang sử dụng CLN, thuộc tờ bản đồ 41 để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2. Đến ngày 17/3/2020, UBND thành phố N ban hành Định chính số 528/ĐC-UBND nội dung đính chính phần căn cứ Thông báo thu hồi đất ngày

11/4/2019 đã ghi “*Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 62 Luật đất đai*”, nay đính chính lại là “*Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai*”.

Qua nhiều lần vận động thuyết phục kiểm đếm nhưng hộ ông Hứa Văn S không hợp tác:

Đến ngày 19/11/2019, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2092/QĐ-UBND V/v cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Hứa Văn S đang sử dụng thửa đất số 70, thuộc tờ bản đồ số 41, diện tích 12.801,6m².

Ngày 09/01/2020, UBND thị xã N ban hành Quyết định số 54/QĐ UBND V/v điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của Chủ tịch UBND thị xã N V/v cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc, nội dung điều chỉnh “Thời gian thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc từ ngày Quyết định có hiệu lực đến ngày 17/12/2019” điều chỉnh thành “Thời gian thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc từ ngày Quyết định có hiệu lực đến ngày 12/3/2020”.

Sau khi thực hiện kiểm đếm bắt buộc xong:

Ngày 05/11/2020, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 2339/QĐ-UBND V/v thu hồi đất để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2, hộ ông S bị thu hồi đất diện tích 12.690,9m², đồng thời UBND thành phố N ban hành Quyết định số 2349/QĐ-UBND V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2. Trong đó, hộ ông Hứa Văn S được phê duyệt tổng số tiền là 9.226.587.030 đồng, bao gồm:

+ Về đất: 7.198.519.118 đồng.

+ Về nhà, công trình: 27.037.712 đồng.

+ Về cây trồng: 630.413.000 đồng.

+ Các chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền là: 1.370.617.200 đồng.

Theo Quyết định số 2349/QĐ-UBND, hộ ông S được bồi thường, hỗ trợ số tiền 9.226.587.030 đồng, Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh thành phố N đã nhiều lần thông báo nH tiền nhưng ông S không nH.

Qua nhiều lần vận động hộ ông Hứa Văn S nhưng hộ ông S không thống nhất giao mặt bằng, ngày 18/6/2021, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1115/QĐ-UBND V/v cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông S diện

tích đất 12.690,9m², thuộc thửa đất số 217 (823) và thửa đất số 216 (806), thuộc tờ bản đồ số 41 (12).

Qua rà soát, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Hứa Văn S người bị kiện đã được thực hiện đầy đủ, đúng chủ trương, chính sách và đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69, Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, việc yêu cầu của hộ ông Hứa Văn S buộc UBND thành phố N và Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh H bồi thường Tệt hại do việc ban hành và thực hiện Quyết định 1115/QĐ-UBND trái pháp luật gây ra với số tiền là 50.000.000 đồng; hủy Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H về việc cưỡng chế thu hồi đất; Hủy Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh H về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2 (nay là thành phố N) của hộ ông Hứa văn S và hủy một phần Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2 (nay là thành phố N) là không có cơ sở. Không thống nhất việc yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000đồng, do đã phê duyệt, kiểm đếm và bồi thường xong nên không có trách nhiệm phải bảo quản cây trồng đã kiểm đếm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày: Thống nhất chủ trương thu hồi đất, đồng ý cho nhà nước thu hồi đất nhưng giá thu hồi đất thấp nên yêu cầu xem xét nâng giá đất lên. Khi kiểm đếm, gia đình tôi không đồng ý cho kiểm đếm, chúng tôi không thống nhất diện tích đất bị thu hồi. Về diện tích đất bị thu hồi thì gia đình tôi chưa bị thu hồi hết đất theo giấy chứng nh quyền sử dụng đất được cấp, vẫn còn diện tích nền nhà. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh H trình bày: Giữ nguyên ý kiến theo văn bản ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh H, Hợp đồng chuyển nhượng mà người khởi kiện cung cấp là loại đất khác với loại đất bị thu hồi của ông Hứa Văn S, không thống nhất yêu cầu nâng giá đất bồi thường 10.000.000đồng/m² của người khởi kiện.

Tại Bản án số 13/2022/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015.

Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 74 Điều 114 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Khoản 3 mục 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết T hành Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn S về yêu cầu hủy Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S; Hủy Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc: thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2; Hủy một phần Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: Khu đô thị mới thị xã N 2; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H bồi thường Tệt hại do việc ban hành và thực hiện Quyết định số 1115 trái pháp luật gây ra với số tiền là 50.000.000 đồng. Đồng thời xét lại quá trình thực hiện thu hồi đất do UBND TP. N có nhiều vi phạm, thực hiện không đúng quy định, bồi thường đất không đủ diện tích, kiểm kê Tều nhiều cây trồng và tài sản, giá bồi thường đất không đúng, không hợp lý và quá thấp so với giá thị trường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/11/2022, người khởi kiện ông Hứa Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nH yêu cầu khởi kiện của ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nH toàn bộ

kháng cáo của ông Hứa Văn S, sửa án sơ thẩm chấp nh toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nh kháng cáo của ông S, sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nh toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S.

Người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện và bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm .

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông S, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S .

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nh định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình Tc nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh H, ông Hứa Văn D, bà Trần Thị Cẩm T Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]. Xét kháng cáo của ông Hứa Văn S, ý kiến của các luật sư, Hội đồng xét xử có nh định:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N: Xét thấy, Dự án khu đô thị mới thị xã N 2 (nay thành phố N) được UBND tỉnh H chọn chủ đầu tư theo Quyết định số 1836/QĐ- UBND ngày 27/11/2018 và Quyết định 902/QĐ- UBND ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh H; Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh H chấp thuận theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về D mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công

cộng cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) trên địa bàn tỉnh H năm 2019.

Ngày 11/4/2019, UBND thị xã N ban hành Kế hoạch số 445 về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2 (BL 243) là đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật đất đai. Cùng ngày 11/4/2019, UBND thị xã N ban hành Thông báo thu hồi đất cho hộ ông Hứa Văn S biết về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông để thực hiện Dự án công trình khu đô thị mới thị xã N 2 (BL 241-241) là đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai. Thông báo thu hồi đất và văn bản đính chính được triển khai cho hộ của ông S đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật đất đai. Thông báo thu hồi đất ông S đại diện hộ ký tên (BL240). Ngày 02/3/2020, tiến hành đo đạc, kiểm đếm về đất và tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; tổ chức lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngày 05/11/2020, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 2339/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ ông S với diện tích 12.690,9m² thuộc thửa số 217 (thửa cũ là 823) và thửa 216 (thửa cũ là 806) tờ bản đồ số 41 (tờ bản đồ cũ là 12), đất tọa lạc tại khu vực 6, phường N, thành phố N, tỉnh H, lý do thu hồi là đầu tư xây dựng Dự án khu đô thị mới thị xã N 2 là có căn cứ đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai.

Về nội dung: Tại Điều 1 của Quyết định số 2339/QĐ-UBND thì hộ ông S bị thu hồi 12.690,90m² (BL 222-223), đối chiếu tại 02 phiếu xác nh kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất đối với hộ ông S vào ngày 12/6/2020 (BL89,90) và biên bản kiểm đếm về đất và tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng ngày 02/3/2020 của tổ kiểm đếm thì phần đất của hộ ông S bị ảnh hưởng được kiểm đếm với diện tích là 12.690,9m, loại đất CLN gồm 02 thửa, tại thửa 806 (thửa mới là 216 có diện tích là 9.725.9m² và thửa 823 (thửa mới là 217) có diện tích là 2,965m²”, tổng diện tích 02 thửa này là 12.690,9m².

Như vậy, diện tích đã thu hồi đúng so với biên bản kiểm đếm và phiếu đo đạc, không Tều diện tích như ông S trình bày. Do đó yêu cầu hủy Quyết định số 2339/QĐ-UBND của ông S là không có cơ sở.

[2.2]. Đối với yêu cầu Hủy một phần Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình Khu đô thị mới thị xã N 2:

Xét thấy hộ gia đình ông Hứa Văn S bị thu hồi diện tích 12,690,9m² gồm hai thửa 806 loại đất Q và thửa 823 đất V, không bị thu hồi đất ở, không phải di

chuyển chỗ ở, trên đất có căn nhà giữ vườn, căn cứ Điều 74 Luật đất đai 2013 thì hộ ông Hứa Văn S được bồi thường về đất, giá đất bồi thường là giá cụ thể do UBND tỉnh xác định tại Điều 114 Luật đất đai 2013 và khoản 3 mục 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất cụ thể “Hàng năm UBND cấp tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì UBND cấp tỉnh quyết định hệ số điều chỉnh giá đất đối với từng loại đất theo dự án hoặc theo khu vực để xác định giá đất tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”. Do đây là dự án Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 62 Luật đất đai không phải sử dụng đất thông qua hình Tc nH chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại Điều 73 Luật đất đai, nên UBND tỉnh ban hành quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 phê duyệt giá đất cụ thể và hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là đúng qui định.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1115/QĐ- ngày 16/6/2021: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy từ khi triển khai dự án đến khi thu hồi đất, gia đình ông Hứa Văn S không hợp tác, tổ công tác đã thực hiện vận động thuyết phục gia đình bàn giao mặt bằng nhiều lần cụ thể biên bản ngày 25/3/2021 (bút lục 211), biên bản ngày 26/3/2021 (bút lục 210), biên bản ngày 23/4/2021 (bút lục 208), biên bản ngày 01/3/2022 (bút lục 196 -198), biên bản ngày 22/3/2022 (bút lục 190-194), biên bản ngày 29/3/2022 (bút lục 162- 163). Đồng thời, UBND thành phố N có thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 12/11/2021, xây dựng phương án cưỡng chế thu hồi đất (bút lục 185), lập dự toán kinh phí (bút lục 158) và bàn giao mặt bằng cho Trung tâm phát triển quỹ đất vào ngày 29/3/2022 (bút lục 168). Nên không có căn cứ chấp nH yêu cầu này của người khởi kiện.

[4.4]. Về yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) do trình tự thủ tục thực hiện cưỡng chế không đúng làm ảnh hưởng đến tài sản, tinh thần của hộ ông S: Người khởi kiện cho rằng đây là yêu cầu bồi thường về Tệt hại tài sản, do bồi thường không đủ số lượng cây trồng và yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần ảnh hưởng D dự. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như đã phân tích ở trên không có căn cứ thể hiện UBND thành phố N thực hiện bồi thường cho hộ ông S Tiệt về diện tích, không đủ số lượng về cây trồng nên không có cơ sở chấp nH. Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần nH thấy, quá trình từ khi thu hồi đất, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm bắt buộc cho đến khi lập phương án bồi thường và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối

với hộ ông Hứa Văn S là bảo đảm đầy đủ và đúng trình tự, thủ tục. Vì vậy không có cơ sở chấp nh yêu cầu bồi thường của hộ ông Hứa Văn S.

Vì các nh định trên, không có cơ sở chấp nh yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn S.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nh định của Hội đồng xét xử nên được chấp nh.

[7] Ông Hứa Văn S được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nh kháng cáo của ông Hứa văn S, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2022/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, cụ thể như sau:

Căn cứ vào: Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015.

Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 74 Điều 114 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Khoản 3 mục 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết T hành Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn S về yêu cầu hủy Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S; Hủy Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc: thu hồi đất của hộ ông Hứa Văn S để đầu tư xây dựng dự án: Khu đô thị mới thị xã N 2; Hủy một phần Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: Khu đô thị mới thị xã N 2; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh H bồi thường Tệt hại do việc ban hành và thực hiện Quyết định số 1115 trái pháp luật gây ra với số tiền là 50.000.000 đồng. Đồng thời xét lại quá trình thực hiện thu hồi đất do UBND TP. N có nhiều vi phạm, thực hiện không đúng quy định, bồi thường đất không đủ diện tích, kiểm kê Tều nhiều cây trồng và tài sản, giá bồi thường đất không đúng, không hợp lý và quá thấp so với giá thị trường.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Hứa Văn S được miễn theo quy định về người cao tuổi.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hứa Văn S được miễn.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nH:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Thanh Thúy